



TỔNG CTY THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM
 CTY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

CADIVI

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.1, TP.HCM.

Tel: 38292971-38299443 FAX: 38299437.

Website: www.cadivi-vn.com

Email: cadivi@cadivi.com.vn

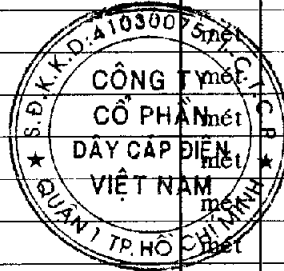
BẢNG 18

GIÁ BÁN SẢN PHẨM

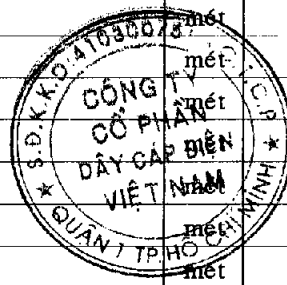
Áp dụng từ ngày 02-09-2010

Khu vực Miền Nam & Miền Trung

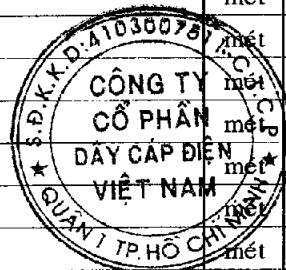
MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ (đồng)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)
11301	<u>Cáp điều khiển 2 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC, giáp 1 lớp băng đồng chống nhiễu :(DVV/Sc-2R-0,6/1kV)</u>			
1130101	DVV/Sc-2x0.5 (2x1/0.8) -0,6/1kV	mét	11.340	12.474
1130102	DVV/Sc-2x0.75 (2x1/1) -0,6/1kV	mét	13.290	14.619
1130103	DVV/Sc-2x1 (2x7/0.4) -0,6/1kV	mét	14.720	16.192
1130104	DVV/Sc-2x1.2 (2x1/1.2) -0,6/1kV	mét	15.660	17.226
1130105	DVV/Sc-2x1.25 (2x7/0.45) -0,6/1kV	mét	16.150	17.765
1130106	DVV/Sc-2x1.5 (2x7/0.52) -0,6/1kV	mét	18.350	20.185
1130107	DVV/Sc-2x2 (2x7/0.6) -0,6/1kV	mét	20.200	22.220
1130108	DVV/Sc-2x2.5 (2x7/0.67) -0,6/1kV	mét	22.700	24.970
1130109	DVV/Sc-2x3 (2x7/0.74) -0,6/1kV	mét	26.800	29.480
1130110	DVV/Sc-2x3.5 (2x7/0.8) -0,6/1kV	mét	29.300	32.230
1130111	DVV/Sc-2x4 (2x7/0.85) -0,6/1kV	mét	31.600	34.760
1130112	DVV/Sc-2x5.5 (2x7/1) -0,6/1kV	mét	38.700	42.570
1130113	DVV/Sc-2x6 (2x7/1.04) -0,6/1kV	mét	40.900	44.990
1130114	DVV/Sc-2x8 (2x7/1.2) -0,6/1kV	mét	50.000	55.000
1130115	DVV/Sc-2x10 (2x7/1.35) -0,6/1kV	mét	60.000	66.000
1130116	DVV/Sc-2x11 (2x7/1.4) -0,6/1kV	mét	63.300	69.630
1130117	DVV/Sc-2x14 (2x7/1.6) -0,6/1kV	mét	77.900	85.690
11302	<u>Cáp điều khiển 3 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC, giáp 1 lớp băng đồng chống nhiễu :(DVV/Sc-3R-0,6/1kV)</u>			
1130201	DVV/Sc-3x0.5 (3x1/0.8) -0,6/1kV	mét	13.290	14.619
1130202	DVV/Sc-3x0.75 (3x1/1) -0,6/1kV	mét	15.740	17.314
1130203	DVV/Sc-3x1 (3x7/0.4) -0,6/1kV	mét	17.540	19.294
1130204	DVV/Sc-3x1.2 (3x1/1.2) -0,6/1kV	mét	18.900	20.790
1130205	DVV/Sc-3x1.25 (3x7/0.45) -0,6/1kV	mét	19.450	21.395
1130206	DVV/Sc-3x1.5 (3x7/0.52) -0,6/1kV	mét	22.500	24.750
1130207	DVV/Sc-3x2 (3x7/0.6) -0,6/1kV	mét	25.100	27.610
1130208	DVV/Sc-3x2.5 (3x7/0.67) -0,6/1kV	mét	28.600	31.460
1130209	DVV/Sc-3x3 (3x7/0.74) -0,6/1kV	mét	33.900	37.290
1130210	DVV/Sc-3x3.5 (3x7/0.8) -0,6/1kV	mét	37.500	41.250
1130211	DVV/Sc-3x4 (3x7/0.85) -0,6/1kV	mét	40.700	44.770
1130212	DVV/Sc-3x5.5 (3x7/1) -0,6/1kV	mét	50.900	55.990
1130213	DVV/Sc-3x6 (3x7/1.04) -0,6/1kV	mét	53.800	59.180



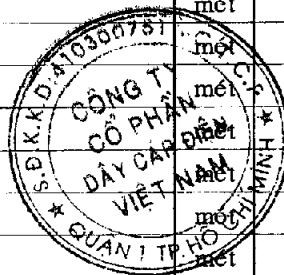
MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ (đồng)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
1130214	DVV/Sc-3x8 (3x7/1.2) -0,6/1kV	mét	66.900	73.590
1130215	DVV/Sc-3x10 (3x7/1.35) -0,6/1kV	mét	81.300	89.430
1130216	DVV/Sc-3x11 (3x7/1.4) -0,6/1kV	mét	86.100	94.710
1130217	DVV/Sc-3x14 (3x7/1.6) -0,6/1kV	mét	107.000	117.700
11303	<u>Cáp điều khiển 4 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC, giáp 1 lớp băng đồng chống nhiễu :(DVV/Sc-4R-0,6/1kV)</u>			
1130301	DVV/Sc-4x0.5 (4x1/0.8) -0,6/1kV	mét	15.570	17.127
1130302	DVV/Sc-4x0.75 (4x1/1) -0,6/1kV	mét	18.630	20.493
1130303	DVV/Sc-4x1 (4x7/0.4) -0,6/1kV	mét	20.800	22.880
1130304	DVV/Sc-4x1.2 (4x1/1.2) -0,6/1kV	mét	22.600	24.860
1130305	DVV/Sc-4x1.25 (4x7/0.45) -0,6/1kV	mét	23.200	25.520
1130306	DVV/Sc-4x1.5 (4x7/0.52) -0,6/1kV	mét	27.100	29.810
1130307	DVV/Sc-4x2 (4x7/0.6) -0,6/1kV	mét	30.600	33.660
1130308	DVV/Sc-4x2.5 (4x7/0.67) -0,6/1kV	mét	35.200	38.720
1130309	DVV/Sc-4x3 (4x7/0.74) -0,6/1kV	mét	41.900	46.090
1130310	DVV/Sc-4x3.5 (4x7/0.8) -0,6/1kV	mét	46.500	51.150
1130311	DVV/Sc-4x4 (4x7/0.85) -0,6/1kV	mét	50.600	55.660
1130312	DVV/Sc-4x5.5 (4x7/1) -0,6/1kV	mét	64.000	70.400
1130313	DVV/Sc-4x6 (4x7/1.04) -0,6/1kV	mét	67.900	74.690
1130314	DVV/Sc-4x8 (4x7/1.2) -0,6/1kV	mét	85.000	93.500
1130315	DVV/Sc-4x10 (4x7/1.35) -0,6/1kV	mét	104.000	114.400
1130316	DVV/Sc-4x11 (4x7/1.4) -0,6/1kV	mét	110.200	121.220
1130317	DVV/Sc-4x14 (4x7/1.6) -0,6/1kV	mét	137.800	151.580
11304	<u>Cáp điều khiển 5 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC, giáp 1 lớp băng đồng chống nhiễu :(DVV/Sc-5R-0,6/1kV)</u>			
1130401	DVV/Sc-5x0.5 (5x1/0.8) -0,6/1kV	mét	17.730	19.503
1130402	DVV/Sc-5x0.75 (5x1/1) -0,6/1kV	mét	21.400	23.540
1130403	DVV/Sc-5x1 (5x7/0.4) -0,6/1kV	mét	24.000	26.400
1130404	DVV/Sc-5x1.2 (5x1/1.2) -0,6/1kV	mét	26.200	28.820
1130405	DVV/Sc-5x1.25 (5x7/0.45) -0,6/1kV	mét	27.000	29.700
1130406	DVV/Sc-5x1.5 (5x7/0.52) -0,6/1kV	mét	31.700	34.870
1130407	DVV/Sc-5x2 (5x7/0.6) -0,6/1kV	mét	36.000	39.600
1130408	DVV/Sc-5x2.5 (5x7/0.67) -0,6/1kV	mét	41.500	45.650
1130409	DVV/Sc-5x3 (5x7/0.74) -0,6/1kV	mét	49.500	54.450
1130410	DVV/Sc-5x3.5 (5x7/0.8) -0,6/1kV	mét	55.300	60.830
1130411	DVV/Sc-5x4 (5x7/0.85) -0,6/1kV	mét	60.200	66.220
1130412	DVV/Sc-5x5.5 (5x7/1) -0,6/1kV	mét	76.700	84.370
1130413	DVV/Sc-5x6 (5x7/1.04) -0,6/1kV	mét	81.500	89.650
1130414	DVV/Sc-5x8 (5x7/1.2) -0,6/1kV	mét	102.600	112.860
1130415	DVV/Sc-5x10 (5x7/1.35) -0,6/1kV	mét	125.800	138.380
1130416	DVV/Sc-5x11 (5x7/1.4) -0,6/1kV	mét	133.800	147.180
1130417	DVV/Sc-5x14 (5x7/1.6) -0,6/1kV	mét	168.100	184.910



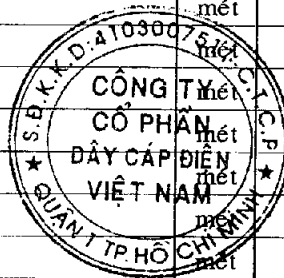
MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ (đồng)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
11305	Cáp điều khiển 6 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC, giá 1 lớp băng đồng chống nhiễu : (DVV/Sc-6R-0,6/1kV)			
1130501	DVV/Sc-6x0.5 (6x1/0.8) -0,6/1kV	mét	20.100	22.110
1130502	DVV/Sc-6x0.75 (6x1/1) -0,6/1kV	mét	24.400	26.840
1130503	DVV/Sc-6x1 (6x7/0.4) -0,6/1kV	mét	27.500	30.250
1130504	DVV/Sc-6x1.2 (6x1/1.2) -0,6/1kV	mét	30.200	33.220
1130505	DVV/Sc-6x1.25 (6x7/0.45) -0,6/1kV	mét	31.000	34.100
1130506	DVV/Sc-6x1.5 (6x7/0.52) -0,6/1kV	mét	36.600	40.260
1130507	DVV/Sc-6x2 (6x7/0.6) -0,6/1kV	mét	41.800	45.980
1130508	DVV/Sc-6x2.5 (6x7/0.67) -0,6/1kV	mét	48.500	53.350
1130509	DVV/Sc-6x3 (6x7/0.74) -0,6/1kV	mét	58.000	63.800
1130510	DVV/Sc-6x3.5 (6x7/0.8) -0,6/1kV	mét	64.800	71.280
1130511	DVV/Sc-6x4 (6x7/0.85) -0,6/1kV	mét	70.700	77.770
1130512	DVV/Sc-6x5.5 (6x7/1) -0,6/1kV	mét	90.400	99.440
1130513	DVV/Sc-6x6 (6x7/1.04) -0,6/1kV	mét	96.200	105.820
1130514	DVV/Sc-6x8 (6x7/1.2) -0,6/1kV	mét	121.400	133.540
1130515	DVV/Sc-6x10 (6x7/1.35) -0,6/1kV	mét	149.700	164.670
1130516	DVV/Sc-6x11 (6x7/1.4) -0,6/1kV	mét	159.100	175.010
1130517	DVV/Sc-6x14 (6x7/1.6) -0,6/1kV	mét	199.900	219.890
11306	Cáp điều khiển 7 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC, giá 1 lớp băng đồng chống nhiễu : (DVV/Sc-7R-0,6/1kV)			
1130601	DVV/Sc-7x0.5 (7x1/0.8) -0,6/1kV	mét	21.200	23.320
1130602	DVV/Sc-7x0.75 (7x1/1) -0,6/1kV	mét	26.000	28.600
1130603	DVV/Sc-7x1 (7x7/0.4) -0,6/1kV	mét	29.400	32.340
1130604	DVV/Sc-7x1.2 (7x1/1.2) -0,6/1kV	mét	32.500	35.750
1130605	DVV/Sc-7x1.25 (7x7/0.45) -0,6/1kV	mét	33.400	36.740
1130606	DVV/Sc-7x1.5 (7x7/0.52) -0,6/1kV	mét	39.700	43.670
1130607	DVV/Sc-7x2 (7x7/0.6) -0,6/1kV	mét	45.700	50.270
1130608	DVV/Sc-7x2.5 (7x7/0.67) -0,6/1kV	mét	53.200	58.520
1130609	DVV/Sc-7x3 (7x7/0.74) -0,6/1kV	mét	63.800	70.180
1130610	DVV/Sc-7x3.5 (7x7/0.8) -0,6/1kV	mét	71.500	78.650
1130611	DVV/Sc-7x4 (7x7/0.85) -0,6/1kV	mét	78.300	86.130
1130612	DVV/Sc-7x5.5 (7x7/1) -0,6/1kV	mét	100.700	110.770
1130613	DVV/Sc-7x6 (7x7/1.04) -0,6/1kV	mét	107.300	118.030
1130614	DVV/Sc-7x8 (7x7/1.2) -0,6/1kV	mét	136.200	149.820
1130615	DVV/Sc-7x10 (7x7/1.35) -0,6/1kV	mét	168.500	185.350
1130616	DVV/Sc-7x11 (7x7/1.4) -0,6/1kV	mét	179.300	197.230
1130617	DVV/Sc-7x14 (7x7/1.6) -0,6/1kV	mét	226.200	248.820
11307	Cáp điều khiển 8 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC, giá 1 lớp băng đồng chống nhiễu : (DVV/Sc-8R-0,6/1kV)			
1130701	DVV/Sc-8x0.5 (8x1/0.8) -0,6/1kV	mét	24.300	26.730
1130702	DVV/Sc-8x0.75 (8x1/1) -0,6/1kV	mét	29.700	32.670
1130703	DVV/Sc-8x1 (8x7/0.4) -0,6/1kV	mét	33.600	36.960



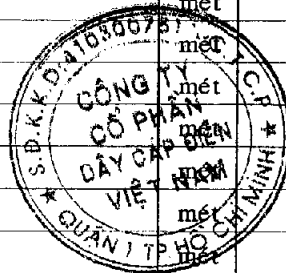
MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ (đồng)	
			CHÚA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
1130704	DVV/Sc-8x1.2 (8x1/1.2) -0,6/1kV	mét	37.000	40.700
1130705	DVV/Sc-8x1.25 (8x7/0.45) -0,6/1kV	mét	38.000	41.800
1130706	DVV/Sc-8x1.5 (8x7/0.52) -0,6/1kV	mét	45.000	49.500
1130707	DVV/Sc-8x2 (8x7/0.6) -0,6/1kV	mét	51.900	57.090
1130708	DVV/Sc-8x2.5 (8x7/0.67) -0,6/1kV	mét	60.300	66.330
1130709	DVV/Sc-8x3 (8x7/0.74) -0,6/1kV	mét	72.200	79.420
1130710	DVV/Sc-8x3.5 (8x7/0.8) -0,6/1kV	mét	81.000	89.100
1130711	DVV/Sc-8x4 (8x7/0.85) -0,6/1kV	mét	88.800	97.680
1130712	DVV/Sc-8x5.5 (8x7/1) -0,6/1kV	mét	114.300	125.730
1130713	DVV/Sc-8x6 (8x7/1.04) -0,6/1kV	mét	121.800	133.980
1130714	DVV/Sc-8x8 (8x7/1.2) -0,6/1kV	mét	154.900	170.390
1130715	DVV/Sc-8x10 (8x7/1.35) -0,6/1kV	mét	191.300	210.430
1130716	DVV/Sc-8x11 (8x7/1.4) -0,6/1kV	mét	204.000	224.400
1130717	DVV/Sc-8x14 (8x7/1.6) -0,6/1kV	mét	257.300	283.030
11308	Cáp điều khiển 10 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC, giáp 1 lớp băng đồng chống nhiễu :(DVV/Sc-10R-0,6/1kV)			
1130801	DVV/Sc-10x0.5 (10x1/0.8) -0,6/1kV	mét	28.700	31.570
1130802	DVV/Sc-10x0.75 (10x1/1) -0,6/1kV	mét	35.500	39.050
1130803	DVV/Sc-10x1 (10x7/0.4) -0,6/1kV	mét	40.300	44.330
1130804	DVV/Sc-10x1.2 (10x1/1.2) -0,6/1kV	mét	44.600	49.060
1130805	DVV/Sc-10x1.25 (10x7/0.45) -0,6/1kV	mét	45.800	50.380
1130806	DVV/Sc-10x1.5 (10x7/0.52) -0,6/1kV	mét	54.700	60.170
1130807	DVV/Sc-10x2 (10x7/0.6) -0,6/1kV	mét	63.200	69.520
1130808	DVV/Sc-10x2.5 (10x7/0.67) -0,6/1kV	mét	73.900	81.290
1130809	DVV/Sc-10x3 (10x7/0.74) -0,6/1kV	mét	88.800	97.680
1130810	DVV/Sc-10x3.5 (10x7/0.8) -0,6/1kV	mét	99.700	109.670
1130811	DVV/Sc-10x4 (10x7/0.85) -0,6/1kV	mét	109.800	120.780
1130812	DVV/Sc-10x5.5 (10x7/1) -0,6/1kV	mét	141.900	156.090
1130813	DVV/Sc-10x6 (10x7/1.04) -0,6/1kV	mét	151.200	166.320
1130814	DVV/Sc-10x8 (10x7/1.2) -0,6/1kV	mét	192.700	211.970
1130815	DVV/Sc-10x10 (10x7/1.35) -0,6/1kV	mét	238.900	262.790
1130816	DVV/Sc-10x11 (10x7/1.4) -0,6/1kV	mét	254.300	279.730
1130817	DVV/Sc-10x14 (10x7/1.6) -0,6/1kV	mét	321.600	353.760
11309	Cáp điều khiển 12 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC, giáp 1 lớp băng đồng chống nhiễu :(DVV/Sc-12R-0,6/1kV)			
1130901	DVV/Sc-12x0.5 (12x1/0.8) -0,6/1kV	mét	31.800	34.980
1130902	DVV/Sc-12x0.75 (12x1/1) -0,6/1kV	mét	39.800	43.780
1130903	DVV/Sc-12x1 (12x7/0.4) -0,6/1kV	mét	45.400	49.940
1130904	DVV/Sc-12x1.2 (12x1/1.2) -0,6/1kV	mét	50.600	55.660
1130905	DVV/Sc-12x1.25 (12x7/0.45) -0,6/1kV	mét	51.900	57.090
1130906	DVV/Sc-12x1.5 (12x7/0.52) -0,6/1kV	mét	62.400	68.640
1130907	DVV/Sc-12x2 (12x7/0.6) -0,6/1kV	mét	72.700	79.970
1130908	DVV/Sc-12x2.5 (12x7/0.67) -0,6/1kV	mét	85.200	93.720



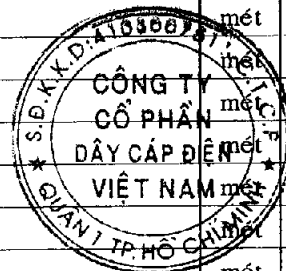
MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ (đồng)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
1130909	DVV/Sc-12x3 (12x7/0.74) -0,6/1kV	mét	102.600	112.860
1130910	DVV/Sc-12x3.5 (12x7/0.8) -0,6/1kV	mét	116.000	127.600
1130911	DVV/Sc-12x4 (12x7/0.85) -0,6/1kV	mét	127.500	140.250
1130912	DVV/Sc-12x5.5 (12x7/1) -0,6/1kV	mét	165.500	182.050
1130913	DVV/Sc-12x6 (12x7/1.04) -0,6/1kV	mét	177.100	194.810
1130914	DVV/Sc-12x8 (12x7/1.2) -0,6/1kV	mét	226.100	248.710
1130915	DVV/Sc-12x10 (12x7/1.35) -0,6/1kV	mét	281.100	309.210
1130916	DVV/Sc-12x11 (12x7/1.4) -0,6/1kV	mét	299.400	329.340
1130917	DVV/Sc-12x14 (12x7/1.6) -0,6/1kV	mét	379.600	417.560
11384	Cáp điều khiển 14 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC, giáp 1 lớp băng đồng chống nhiễu :(DVV/Sc-14R-0,6/1kV)			
1138401	DVV/Sc-14x0.5 (14x1/0.8) -0,6/1kV	mét	35.200	38.720
1138402	DVV/Sc-14x0.75 (14x1/1) -0,6/1kV	mét	44.500	48.950
1138403	DVV/Sc-14x1 (14x7/0.4) -0,6/1kV	mét	51.000	56.100
1138404	DVV/Sc-14x1.2 (14x1/1.2) -0,6/1kV	mét	57.100	62.810
1138405	DVV/Sc-14x1.25 (14x7/0.45) -0,6/1kV	mét	58.600	64.460
1138406	DVV/Sc-14x1.5 (14x7/0.52) -0,6/1kV	mét	70.700	77.770
1138407	DVV/Sc-14x2 (14x7/0.6) -0,6/1kV	mét	82.700	90.970
1138408	DVV/Sc-14x2.5 (14x7/0.67) -0,6/1kV	mét	97.300	107.030
1138409	DVV/Sc-14x3 (14x7/0.74) -0,6/1kV	mét	117.600	129.360
1138410	DVV/Sc-14x3.5 (14x7/0.8) -0,6/1kV	mét	132.800	146.080
1138411	DVV/Sc-14x4 (14x7/0.85) -0,6/1kV	mét	146.300	160.930
1138412	DVV/Sc-14x5.5 (14x7/1) -0,6/1kV	mét	190.900	209.990
1138413	DVV/Sc-14x6 (14x7/1.04) -0,6/1kV	mét	203.800	224.180
1138414	DVV/Sc-14x8 (14x7/1.2) -0,6/1kV	mét	261.300	287.430
1138415	DVV/Sc-14x10 (14x7/1.35) -0,6/1kV	mét	325.500	358.050
1138416	DVV/Sc-14x11 (14x7/1.4) -0,6/1kV	mét	346.900	381.590
1138417	DVV/Sc-14x14 (14x7/1.6) -0,6/1kV	mét	440.200	484.220
11310	Cáp điều khiển 15 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC, giáp 1 lớp băng đồng chống nhiễu :(DVV/Sc-15R-0,6/1kV)			
1131001	DVV/Sc-15x0.5 (15x1/0.8) -0,6/1kV	mét	36.200	39.820
1131002	DVV/Sc-15x0.75 (15x1/1) -0,6/1kV	mét	47.100	51.810
1131003	DVV/Sc-15x1 (15x7/0.4) -0,6/1kV	mét	53.000	58.300
1131004	DVV/Sc-15x1.2 (15x1/1.2) -0,6/1kV	mét	60.600	66.660
1131005	DVV/Sc-15x1.25 (15x7/0.45) -0,6/1kV	mét	62.100	68.310
1131006	DVV/Sc-15x1.5 (15x7/0.52) -0,6/1kV	mét	75.000	82.500
1131007	DVV/Sc-15x2 (15x7/0.6) -0,6/1kV	mét	87.800	96.580
1131008	DVV/Sc-15x2.5 (15x7/0.67) -0,6/1kV	mét	103.500	113.850
1131009	DVV/Sc-15x3 (15x7/0.74) -0,6/1kV	mét	125.200	137.720
1131010	DVV/Sc-15x3.5 (15x7/0.8) -0,6/1kV	mét	141.500	155.650
1131011	DVV/Sc-15x4 (15x7/0.85) -0,6/1kV	mét	156.200	171.820
1131012	DVV/Sc-15x5.5 (15x7/1) -0,6/1kV	mét	203.500	223.850
1131013	DVV/Sc-15x6 (15x7/1.04) -0,6/1kV	mét	217.900	239.690



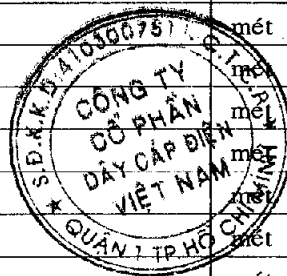
MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ (đồng)	
			CHÚA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
1131014	DVV/Sc-15x8 (15x7/1.2) -0,6/1kV	mét	278.800	306.680
1131015	DVV/Sc-15x10 (15x7/1.35) -0,6/1kV	mét	347.300	382.030
1131016	DVV/Sc-15x11 (15x7/1.4) -0,6/1kV	mét	370.100	407.110
1131017	DVV/Sc-15x14 (15x7/1.6) -0,6/1kV	mét	470.100	517.110
11311	<i>Cáp điều khiển 19 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC, giáp 1 lớp băng đồng chống nhiễu :(DVV/Sc-19R-0,6/1kV)</i>			
1131101	DVV/Sc-19x0.5 (19x1/0.8) -0,6/1kV	mét	42.300	46.530
1131102	DVV/Sc-19x0.75 (19x1/1) -0,6/1kV	mét	55.600	61.160
1131103	DVV/Sc-19x1 (19x7/0.4) -0,6/1kV	mét	64.100	70.510
1131104	DVV/Sc-19x1.2 (19x1/1.2) -0,6/1kV	mét	72.400	79.640
1131105	DVV/Sc-19x1.25 (19x7/0.45) -0,6/1kV	mét	74.200	81.620
1131106	DVV/Sc-19x1.5 (19x7/0.52) -0,6/1kV	mét	90.300	99.330
1131107	DVV/Sc-19x2 (19x7/0.6) -0,6/1kV	mét	106.600	117.260
1131108	DVV/Sc-19x2.5 (19x7/0.67) -0,6/1kV	mét	126.000	138.600
1131109	DVV/Sc-19x3 (19x7/0.74) -0,6/1kV	mét	153.200	168.520
1131110	DVV/Sc-19x3.5 (19x7/0.8) -0,6/1kV	mét	173.700	191.070
1131111	DVV/Sc-19x4 (19x7/0.85) -0,6/1kV	mét	191.600	210.760
1131112	DVV/Sc-19x5.5 (19x7/1) -0,6/1kV	mét	251.600	276.760
1131113	DVV/Sc-19x6 (19x7/1.04) -0,6/1kV	mét	268.900	295.790
1131114	DVV/Sc-19x8 (19x7/1.2) -0,6/1kV	mét	346.100	380.710
1131115	DVV/Sc-19x10 (19x7/1.35) -0,6/1kV	mét	432.200	475.420
1131116	DVV/Sc-19x11 (19x7/1.4) -0,6/1kV	mét	461.000	507.100
1131117	DVV/Sc-19x14 (19x7/1.6) -0,6/1kV	mét	586.600	645.260
11312	<i>Cáp điều khiển 20 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC, giáp 1 lớp băng đồng chống nhiễu :(DVV/Sc-20R-0,6/1kV)</i>			
1131201	DVV/Sc-20x0.5 (20x1/0.8) -0,6/1kV	mét	44.900	49.390
1131202	DVV/Sc-20x0.75 (20x1/1) -0,6/1kV	mét	59.000	64.900
1131203	DVV/Sc-20x1 (20x7/0.4) -0,6/1kV	mét	67.900	74.690
1131204	DVV/Sc-20x1.2 (20x1/1.2) -0,6/1kV	mét	76.600	84.260
1131205	DVV/Sc-20x1.25 (20x7/0.45) -0,6/1kV	mét	78.500	86.350
1131206	DVV/Sc-20x1.5 (20x7/0.52) -0,6/1kV	mét	95.400	104.940
1131207	DVV/Sc-20x2 (20x7/0.6) -0,6/1kV	mét	112.600	123.860
1131208	DVV/Sc-20x2.5 (20x7/0.67) -0,6/1kV	mét	133.500	146.850
1131209	DVV/Sc-20x3 (20x7/0.74) -0,6/1kV	mét	161.800	177.980
1131210	DVV/Sc-20x3.5 (20x7/0.8) -0,6/1kV	mét	183.300	201.630
1131211	DVV/Sc-20x4 (20x7/0.85) -0,6/1kV	mét	202.700	222.970
1131212	DVV/Sc-20x5.5 (20x7/1) -0,6/1kV	mét	265.400	291.940
1131213	DVV/Sc-20x6 (20x7/1.04) -0,6/1kV	mét	284.200	312.620
1131214	DVV/Sc-20x8 (20x7/1.2) -0,6/1kV	mét	365.600	402.160
1131215	DVV/Sc-20x10 (20x7/1.35) -0,6/1kV	mét	455.600	501.160
1131216	DVV/Sc-20x11 (20x7/1.4) -0,6/1kV	mét	486.600	535.260
1131217	DVV/Sc-20x14 (20x7/1.6) -0,6/1kV	mét	619.000	680.900



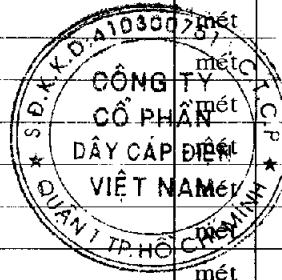
MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ (đồng)	
			CHÚA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
11383	<u>Cáp điều khiển 24 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC, giáp 1 lớp bằng đồng chống nhiễu :(DVV/Sc-24R-0,6/1kV)</u>			
1138301	DVV/Sc-24x0.5 (24x1/0.8) -0,6/1kV	mét	52.200	57.420
1138302	DVV/Sc-24x0.75 (24x1/1) -0,6/1kV	mét	68.800	75.680
1138303	DVV/Sc-24x1 (24x7/0.4) -0,6/1kV	mét	79.500	87.450
1138304	DVV/Sc-24x1.2 (24x1/1.2) -0,6/1kV	mét	90.000	99.000
1138305	DVV/Sc-24x1.24 (24x7/0.45) -0,6/1kV	mét	92.200	101.420
1138306	DVV/Sc-24x1.5 (24x7/0.52) -0,6/1kV	mét	113.000	124.300
1138307	DVV/Sc-24x2 (24x7/0.6) -0,6/1kV	mét	133.400	146.740
1138308	DVV/Sc-24x2.5 (24x7/0.67) -0,6/1kV	mét	158.500	174.350
1138309	DVV/Sc-24x3 (24x7/0.74) -0,6/1kV	mét	192.300	211.530
1138310	DVV/Sc-24x3.5 (24x7/0.8) -0,6/1kV	mét	218.000	239.800
1138311	DVV/Sc-24x4 (24x7/0.85) -0,6/1kV	mét	241.300	265.430
1138312	DVV/Sc-24x5.5 (24x7/1) -0,6/1kV	mét	316.800	348.480
1138313	DVV/Sc-24x6 (24x7/1.04) -0,6/1kV	mét	338.900	372.790
1138314	DVV/Sc-24x8 (24x7/1.2) -0,6/1kV	mét	436.300	479.930
1138315	DVV/Sc-24x10 (24x7/1.35) -0,6/1kV	mét	545.300	599.830
1138316	DVV/Sc-24x11 (24x7/1.4) -0,6/1kV	mét	581.500	639.650
1138317	DVV/Sc-24x14 (24x7/1.6) -0,6/1kV	mét	741.700	815.870
11313	<u>Cáp điều khiển 25 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC, giáp 1 lớp bằng đồng chống nhiễu :(DVV/Sc-25R-0,6/1kV)</u>			
1131301	DVV/Sc-25x0.5 (25x1/0.8) -0,6/1kV	mét	54.500	59.950
1131302	DVV/Sc-25x0.75 (25x1/1) -0,6/1kV	mét	70.500	77.550
1131303	DVV/Sc-25x1 (25x7/0.4) -0,6/1kV	mét	81.500	89.650
1131304	DVV/Sc-25x1.2 (25x1/1.2) -0,6/1kV	mét	92.400	101.640
1131305	DVV/Sc-25x1.25 (25x7/0.45) -0,6/1kV	mét	94.700	104.170
1131306	DVV/Sc-25x1.5 (25x7/0.52) -0,6/1kV	mét	116.200	127.820
1131307	DVV/Sc-25x2 (25x7/0.6) -0,6/1kV	mét	137.500	151.250
1131308	DVV/Sc-25x2.5 (25x7/0.67) -0,6/1kV	mét	163.600	179.960
1131309	DVV/Sc-25x3 (25x7/0.74) -0,6/1kV	mét	198.500	218.350
1131310	DVV/Sc-25x3.5 (25x7/0.8) -0,6/1kV	mét	225.200	247.720
1131311	DVV/Sc-25x4 (25x7/0.85) -0,6/1kV	mét	249.300	274.230
1131312	DVV/Sc-25x5.5 (25x7/1) -0,6/1kV	mét	328.000	360.800
1131313	DVV/Sc-25x6 (25x7/1.04) -0,6/1kV	mét	350.700	385.770
1131314	DVV/Sc-25x8 (25x7/1.2) -0,6/1kV	mét	452.100	497.310
1131315	DVV/Sc-25x10 (25x7/1.35) -0,6/1kV	mét	565.100	621.610
1131316	DVV/Sc-25x11 (25x7/1.4) -0,6/1kV	mét	602.700	662.970
1131317	DVV/Sc-25x14 (25x7/1.6) -0,6/1kV	mét	769.200	846.120
11314	<u>Cáp điều khiển 27 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC, giáp 1 lớp bằng đồng chống nhiễu :(DVV/Sc-27R-0,6/1kV)</u>			
1131401	DVV/Sc-27x0.5 (27x1/0.8) -0,6/1kV	mét	57.600	63.360
1131402	DVV/Sc-27x0.75 (27x1/1) -0,6/1kV	mét	74.800	82.280
1131403	DVV/Sc-27x1 (27x7/0.4) -0,6/1kV	mét	86.700	95.370



MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ (đồng)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
1131404	DVV/Sc-27x1.2 (27x1/1.2) -0,6/1kV	mét	98.400	108.240
1131405	DVV/Sc-27x1.25 (27x7/0.45) -0,6/1kV	mét	101.100	111.210
1131406	DVV/Sc-27x1.5 (27x7/0.52) -0,6/1kV	mét	123.900	136.290
1131407	DVV/Sc-27x2 (27x7/0.6) -0,6/1kV	mét	146.900	161.590
1131408	DVV/Sc-27x2.5 (27x7/0.67) -0,6/1kV	mét	174.900	192.390
1131409	DVV/Sc-27x3 (27x7/0.74) -0,6/1kV	mét	212.400	233.640
1131410	DVV/Sc-27x3.5 (27x7/0.8) -0,6/1kV	mét	241.700	265.870
1131411	DVV/Sc-27x4 (27x7/0.85) -0,6/1kV	mét	267.100	293.810
1131412	DVV/Sc-27x5.5 (27x7/1) -0,6/1kV	mét	351.700	386.870
1131413	DVV/Sc-27x6 (27x7/1.04) -0,6/1kV	mét	376.300	413.930
1131414	DVV/Sc-27x8 (27x7/1.2) -0,6/1kV	mét	485.600	534.160
1131415	DVV/Sc-27x10 (27x7/1.35) -0,6/1kV	mét	607.300	668.030
1131416	DVV/Sc-27x11 (27x7/1.4) -0,6/1kV	mét	648.700	713.570
1131417	DVV/Sc-27x14 (27x7/1.6) -0,6/1kV	mét	827.400	910.140
11315	Cáp điều khiển 30 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC, giáp 1 lớp băng đồng chống nhiễu :(DVV/Sc-30R-0,6/1kV)			
1131501	DVV/Sc-30x0.5 (30x1/0.8) -0,6/1kV	mét	62.200	68.420
1131502	DVV/Sc-30x0.75 (30x1/1) -0,6/1kV	mét	81.200	89.320
1131503	DVV/Sc-30x1 (30x7/0.4) -0,6/1kV	mét	94.400	103.840
1131504	DVV/Sc-30x1.2 (30x1/1.2) -0,6/1kV	mét	107.400	118.140
1131505	DVV/Sc-30x1.25 (30x7/0.45) -0,6/1kV	mét	110.400	121.440
1131506	DVV/Sc-30x1.5 (30x7/0.52) -0,6/1kV	mét	135.600	149.160
1131507	DVV/Sc-30x2 (30x7/0.6) -0,6/1kV	mét	161.500	177.650
1131508	DVV/Sc-30x2.5 (30x7/0.67) -0,6/1kV	mét	192.000	211.200
1131509	DVV/Sc-30x3 (30x7/0.74) -0,6/1kV	mét	233.800	257.180
1131510	DVV/Sc-30x3.5 (30x7/0.8) -0,6/1kV	mét	265.700	292.270
1131511	DVV/Sc-30x4 (30x7/0.85) -0,6/1kV	mét	293.800	323.180
1131512	DVV/Sc-30x5.5 (30x7/1) -0,6/1kV	mét	387.600	426.360
1131513	DVV/Sc-30x6 (30x7/1.04) -0,6/1kV	mét	415.600	457.160
1131514	DVV/Sc-30x8 (30x7/1.2) -0,6/1kV	mét	536.600	590.260
1131515	DVV/Sc-30x10 (30x7/1.35) -0,6/1kV	mét	671.600	738.760
1131516	DVV/Sc-30x11 (30x7/1.4) -0,6/1kV	mét	716.800	788.480
1131517	DVV/Sc-30x14 (30x7/1.6) -0,6/1kV	mét	914.900	1.006.390
11316	Cáp điều khiển 37 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC, giáp 1 lớp băng đồng chống nhiễu :(DVV/Sc-37R-0,6/1kV)			
1131601	DVV/Sc-37x0.5 (37x1/0.8) -0,6/1kV	mét	73.100	80.410
1131602	DVV/Sc-37x0.75 (37x1/1) -0,6/1kV	mét	96.700	106.370
1131603	DVV/Sc-37x1 (37x7/0.4) -0,6/1kV	mét	112.700	123.970
1131604	DVV/Sc-37x1.2 (37x1/1.2) -0,6/1kV	mét	128.800	141.680
1131605	DVV/Sc-37x1.25 (37x7/0.45) -0,6/1kV	mét	131.800	144.980
1131606	DVV/Sc-37x1.5 (37x7/0.52) -0,6/1kV	mét	163.200	179.520
1131607	DVV/Sc-37x2 (37x7/0.6) -0,6/1kV	mét	194.500	213.950
1131608	DVV/Sc-37x2.5 (37x7/0.67) -0,6/1kV	mét	232.400	255.640



MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ (đồng)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
1131609	DVV/Sc-37x3 (37x7/0.74) -0,6/1kV	mét	282.700	310.970
1131610	DVV/Sc-37x3.5 (37x7/0.8) -0,6/1kV	mét	322.400	354.640
1131611	DVV/Sc-37x4 (37x7/0.85) -0,6/1kV	mét	357.000	392.700
1131612	DVV/Sc-37x5.5 (37x7/1) -0,6/1kV	mét	472.000	519.200
1131613	DVV/Sc-37x6 (37x7/1.04) -0,6/1kV	mét	506.200	556.820
1131614	DVV/Sc-37x8 (37x7/1.2) -0,6/1kV	mét	654.900	720.390
1131615	DVV/Sc-37x10 (37x7/1.35) -0,6/1kV	mét	821.700	903.870
1131616	DVV/Sc-37x11 (37x7/1.4) -0,6/1kV	mét	877.200	964.920
1131617	DVV/Sc-37x14 (37x7/1.6) -0,6/1kV	mét	1.120.700	1.232.770



- Thuế giá trị gia tăng 10%
- Tất cả thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng ,

k

